|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2022/NĐ-CP | *Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2022* |

**DỰ THẢO**

**NGHỊ ĐỊNH**

**Quy định chế độ thưởng hợp đồng đối với gói thầu xây lắp thuộc các dự án giao thông trong Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và một số dự án quan trọng quốc gia, trọng điểm ngành giao thông vận tải**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 76/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật số 47/2019/QH14 ngày 22 tháng 11 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương;*

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014 và Luật số 62/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,*

*Chính phủ ban hành Nghị định* *quy định chế độ thưởng hợp đồng đối với gói thầu xây lắp thuộc các dự án giao thông trong Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và một số dự án quan trọng quốc gia, trọng điểm ngành giao thông vận tải.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

# **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nghị định này quy định chế độ thưởng hợp đồng đối với gói thầu xây lắp thuộc các dự án đầu tư công xây dựng đường bộ cao tốc, quốc lộ trong Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (sau đây gọi tắt là Chương trình) và một số dự án quan trọng quốc gia, trọng điểm ngành giao thông vận tải sử dụng vốn đầu tư công (trừ các dự án ODA).

2. Các dự án trong Chương trình là các dự án được thực hiện theo Nghị quyết số 43/2022/Qh15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

3. Các dự án quan trọng quốc gia, trọng điểm ngành giao thông là các dự án được đầu tư từ ngân sách nhà nước trong phạm vi chỉ đạo của Ban chỉ đạo Nhà nước các công trình, dự án quan trọng quốc gia, trọng điểm ngành giao thông vận tải theo Quyết định số 884/QĐ-TTg ngày 23 tháng 7 năm 2022 và Quyết định số 1316/QĐ-TTg ngày 02 tháng 11 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

4. Danh mục dự án được áp dụng quy định chế độ thưởng hợp đồng tại phụ lục kèm theo Nghị định này. Căn cứ tình hình thực tế, Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh danh mục dự án được áp dụng quy định này.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến quá trình thực hiện đầu tư các dự án trong Danh mục quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định này.

**Chương II**

**QUY ĐỊNH VỀ THƯỞNG HỢP ĐỒNG**

**Điều 3. Mục tiêu và nguyên tắc thưởng**

1. Mục tiêu

a) Khuyến khích nhà thầu sáng tạo và nâng cao tinh thần trách nhiệm nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án trong Danh mục.

b) Hỗ trợ một phần chi phí cho nhà thầu khi thực hiện các giải pháp để đẩy nhanh tiến độ thực hiện hợp đồng.

2. Nguyên tắc chung

a) Công trình, hạng mục công trình phải được thực hiện theo đúng quy định tại hợp đồng (đảm bảo đúng về số lượng, khối lượng, chất lượng), đáp ứng đúng quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật và phải được nghiệm thu, bàn giao theo quy định của pháp luật về xây dựng.

b) Việc thưởng hợp đồng phải đảm bảo công khai, minh bạch, công bằng; phải được quy định rõ trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu và được thể hiện trong hợp đồng được ký kết giữa chủ đầu tư và nhà thầu.

c) Việc thưởng hợp đồng được áp dụng cho từng gói thầu cụ thể. Số tiền thưởng không vượt nguồn tiền thưởng quy định tại Điều 4 Nghị định này.

d) Thời gian thực hiện hợp đồng là thời gian được xác định cụ thể trong hợp đồng được ký kết giữa chủ đầu tư và nhà thầu, trừ thời gian gián đoạn do các yếu tố chủ quan từ phía chủ đầu tư, yếu tố khách quan vì các lý do bất khả kháng nhưng phải được hai bên thỏa thuận.

đ) Việc thưởng hợp đồng chỉ được xem xét đối với các nhà thầu thực hiện gói thầu tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan đến thực hiện gói thầu và nguồn tiền thưởng thực tế.

e) Nghiêm cấm việc xác định giá gói thầu, lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu và hợp đồng không đúng định mức, đơn giá, tiến độ theo quy định pháp luật về xây dựng hoặc tiêu cực trong quá trình triển khai thi công công trình để trục lợi tiền thưởng hợp đồng.

**Điều 4. Nguồn tiền thưởng hợp đồng**

Tiền thưởng hợp đồng được sử dụng từ số tiền dư sau đấu thầu (bao gồm cả chỉ định thầu) và chi phí tiết kiệm trong quá trình thực hiện gói thầu.

**Điều 5. Phương pháp tính số tiền thưởng**

1. Các trường hợp thưởng hợp đồng

a) Rút ngắn thời gian thực hiện hợp đồng góp phần thúc đẩy rút ngắn thời gian tổng thể thực hiện dự án.

b) Áp dụng các giải pháp, công nghệ mới, điều chỉnh biện pháp thi công mang lại hiệu quả cao hơn so với việc thực hiện theo quy định tại hợp đồng (tiết kiệm chi phí khi thanh toán theo thực tế).

c) Đối với gói thầu đáp ứng cả 02 trường hợp trên, việc thưởng hợp đồng được áp dụng 02 lần cho cả 02 trường hợp.

2. Phương pháp xác định số tiền thưởng

a) Trường hợp rút ngắn thời gian thực hiện hợp đồng, số tiền thưởng được xác định theo công thức: **Số tiền thưởng (T) = TD x TG x K.** Trong đó:

- TD là Số tiền dư sau đấu thầu. TD = Giá gói thầu theo dự toán được duyệt (không tính dự phòng) – Giá trúng thầu (không tính dự phòng);

- TG là Tỷ lệ thời gian rút ngắn (%). TG = Thời gian rút ngắn (ngày)/Thời gian thực hiện theo hợp đồng (ngày). Trường hợp TG >50% thì TG được lấy giá trị bằng 50%.

- K là Hệ số khuyến khích. K = 2.

b) Trường hợp áp dụng các giải pháp, công nghệ mới, điều chỉnh biện pháp thi công, **Số tiền thưởng (T) = TK.** Trong đó:

TK là Chi phí tiết kiệm trong quá trình thực hiện gói thầu. TK = Giá trúng thầu (không tính dự phòng) – Chi phí thực tế thực hiện gói thầu.

**Chương III**

**THANH TOÁN TIỀN THƯỞNG VÀ KIẾM TRA, GIÁM SÁT**

 **Điều 6. Thẩm quyền**

1. Người quyết định đầu tư căn cứ tính chất, yêu cầu của dự án quyết định việc áp dụng quy định về thưởng hợp đồng khi phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

2. Chủ đầu tư quyết định cụ thể về việc thưởng hợp đồng, thực hiện việc thưởng hợp đồng và thu hồi tiền thưởng (khi phát hiện việc thưởng hợp đồng không đúng quy định).

 **Điều 7. Trình tự, hồ sơ đề nghị xét thưởng hợp đồng**

 1. Sau khi hợp đồng được nghiệm thu theo quy định và bàn giao, nhà thầu căn cứ các trường hợp được áp dụng thưởng hợp đồng quy định tại khoản 1 Điều 5 gửi đến chủ đầu tư văn bản đề nghị xét thưởng hợp đồng và hồ sơ kèm theo. Nội dung văn bản phải nêu rõ căn cứ (căn cứ pháp lý, điều khoản hợp đồng, các biên bản nghiệm thu, bàn giao, bảo hành), số tiền đề nghị thưởng, phương pháp xác định tiền thưởng, văn bản cam kết hoàn trả tiền thưởng nếu vi phạm các quy định về thưởng hợp đồng; hồ sơ kèm theo là các tài liệu chứng minh, làm rõ việc đề xuất thưởng hợp đồng.

 2. Chủ đầu tư tiếp nhận hồ sơ theo đề nghị của nhà thầu theo quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, chủ đầu tư có văn bản thông báo và yêu cầu bổ sung hồ sơ trong thời gian 05 ngày làm việc.

 3. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, chủ đầu tư xem xét, quyết định thưởng hợp đồng cho nhà thầu trong thời gian không quá 60 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ. Nội dung quyết định thưởng hợp đồng bao gồm: tên nhà thầu, tên gói thầu, thời gian rút ngắn, số tiền thưởng cụ thể, hình thức thanh toán, thời điểm thanh toán (dự kiến) và các điều kiện thu hồi tiền thưởng khi phát sinh vi phạm về thưởng hợp đồng.

 **Điều 8. Thanh toán tiền thưởng**

 1. Chủ đầu tư gửi Kho bạc Nhà nước hồ sơ đề nghị thanh toán gồm:

 a) Quyết định về việc thưởng hợp đồng;

 b) Giấy đề nghị thanh toán thưởng hợp đồng cho nhà thầu;

 c) Chứng từ chuyển tiền.

 2. Căn cứ hồ sơ đề nghị thanh toán của chủ đầu tư, Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát, thanh toán khoản tiền thưởng hợp đồng trong thời hạn chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này. Nguyên tắc kiểm soát, thanh toán theo quy định của Chính phủ về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

 **Điều 9. Kiểm tra, giám sát**

1. Người quyết định đầu tư có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, hoặc giao cho cơ quan chuyên môn trực thuộc kiểm tra việc thực hiện hợp đồng và thưởng hợp đồng.

2. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức giám sát việc thưởng hợp đồng đến hết thời gian bảo hành theo quy định tại hợp đồng, điều kiện thu hồi tiền thưởng khi phát sinh vi phạm về thưởng hợp đồng. Trường hợp phát hiện nhà thầu có vi phạm, chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu khắc phục và thực hiện việc thu hồi tiền thưởng.

3. Trường hợp vi phạm điều kiện thưởng, nhà thầu thực hiện việc hoàn trả tiền thưởng theo hình thức nộp vào kho bạc nhà nước theo quy định.

**Chương IV**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 10. Quy định chuyển tiếp và hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng 12 năm 2022.

2. Các hợp đồng được ký trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực ban hành, thực hiện theo quy định tại hợp đồng đã ký.

3. Đối với các gói thầu xây lắp thuộc Danh mục quy định tại Nghị định này đã ký hợp đồng trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực, chủ đầu tư báo cáo người quyết định đầu tư xem xét, quyết định việc áp dụng quy định về thưởng hợp đồng. Chủ đầu tư xem xét, ký phụ lục hợp đồng trong trường hợp gói thầu được áp dụng quy định về thưởng hợp đồng.

**Điều 11.** **Tổ chức thực hiện**

1. Các chủ thể liên quan đến triển khai đầu tư xây dựng dự án thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Ban Bí thư Trung ương Đảng;- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;- Văn phòng Tổng Bí thư;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;- Văn phòng Quốc hội;- Tòa án nhân dân tối cao;- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;- Kiểm toán Nhà nước;- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;- Ngân hàng Chính sách xã hội;- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;- Lưu: VT, CN (3b). | **TM. CHÍNH PHỦTHỦ TƯỚNG****Phạm Minh Chính** |